



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAI NGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ
KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

SỐ ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG 87 NĂM THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 172, số 12/2, 2017

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Hà Xuân Hương - Thân phận người phụ nữ trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái	3
Ngô Thị Thu Trang - Một số biện pháp nâng cao năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh phổ thông	9
Nguyễn Thị Hà, Vũ Thị Hồng Hoa - Nâng cao tỷ lệ nữ trong các cơ quan dân cử	15
Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thị Mai Hương, An Thị Thư, Nguyễn Thị Hồng - Phát triển chuẩn mực kế toán Việt Nam theo hướng chuẩn mực kế toán quốc tế	21
Nguyễn Thị Hòa - Sử dụng tuyển tập “Những lá thư thời chiến Việt Nam” trong giáo dục lịch sử	27
Nguyễn Thị Xuân Thu, Phạm Ngọc Duy - Những tác động của việc sử dụng sơ đồ ngữ nghĩa đối với khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên	33
Vũ Kiều Hạnh, Hoàng Thị Cương - Nghiên cứu kỹ năng đọc của sinh viên năm thứ 2 tại trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên, cơ sở để thiết kế các hoạt động rèn luyện tăng cường	39
Nguyễn Thị Thu Hương - Bảo vệ quyền nhân thân cho lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam	45
Nguyễn Thị Thắm - Hành trình tìm kiếm hạnh phúc của nhân vật nữ trong <i>Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác</i> của Le Clézio	51
Lê Thị Lưu, Trần Bảo Ngọc, Bùi Thanh Thủy và cộng sự - Nhận thức của sinh viên cử nhân điều dưỡng về môi trường giáo dục tại trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên bằng bảng hỏi DREEM	57
Bùi Thị Minh Hà, Nguyễn Hữu Thọ - Nhận thức của nông hộ về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu tới sản xuất chè - Trường hợp nghiên cứu: Vùng chè Tân Cương thành phố Thái Nguyên	63
Dương Thanh Tinh, Trần Văn Quyết, Nguyễn Ngọc Lý, Nguyễn Việt Dũng - Giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số thông qua phát triển chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	69
Nguyễn Thu Nga, Đỗ Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Diệu Hồng - Sử dụng hàm Cobb - Douglas tuyến tính để đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng Việt Nam	75
Phùng Thanh Hoa, Bùi Thị Thanh Thủy - Tác động của kinh tế thị trường đến nông thôn Việt Nam hiện nay	81
Hoàng Thị Mỹ Hạnh, Sombath Kingbounkai - Quá trình di cư của người Việt đến Lào và định cư tại tỉnh Luangprabang nước CHDCND Lào	87
Vi Thị Phương - Sử dụng báo chí vào công cuộc xây dựng nền văn hóa mới ở Việt Nam, nhìn từ góc độ tạp chí <i>Tao Đàn</i> (1939)	93
Nguyễn Thị Minh Loan - Đề xuất mô hình tập huấn dạy đặt câu hỏi trong kỹ năng đọc hiểu	99
Nguyễn Thị Bích Ngọc - Đánh giá nội dung và việc giảng dạy học phần bút ngữ tiếng Anh trung cao cấp 2 tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên xét từ góc độ sinh viên	105
Nguyễn Mai Linh, Trần Minh Thành, Dương Thị Hồng An - Kết hợp sử dụng hồ sơ học tập (Portfolio) và thuyết trình nhóm trong dạy và học các khóa học tiếng Anh chuyên ngành tiếp cận hậu phương pháp luận	111
Trần Thị Kim Hoa - Phát triển năng lực sử dụng từ tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số qua các bài tập về từ	117
Trần Tú Hoài - Một số nội dung cơ bản của chính sách phát triển giảng viên qua thực tiễn tại trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	121
Phạm Thị Huyền, Vũ Thị Thủy - Rèn luyện phong cách làm việc quần chúng của người cán bộ theo phong cách Hồ Chí Minh	127

Tổng Thị Phương Thảo - Bảo vệ quyền của lao động nữ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ theo pháp luật lao động Việt Nam	131
Lương Thị Hạnh - Vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bắc Kạn	137
Nguyễn Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Thu Hiền - Một số vấn đề về việc xây dựng lối sống mới cho sinh viên Việt Nam hiện nay	143
Hồ Lương Xinh, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Thị Giang, Lưu Thị Thùy Linh, Bùi Thị Thanh Tâm, Nguyễn Mạnh Thắng - Xác suất cải thiện thu nhập của hộ nông dân sau thu hồi đất nông nghiệp tại các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	149
Đinh Ngọc Lan, Đoàn Thị Thanh Hiền, Dương Tuấn Việt - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ miến dong tại huyện Nguyên Bình- tỉnh Cao Bằng	155
Đỗ Thị Hà Phương, Chu Thị Hà, Nguyễn Thị Giang, Dương Xuân Lâm - Tác động của vốn xã hội và công nghệ thông tin đến dự định chia sẻ tri thức và hành vi chia sẻ tri thức của cán bộ giảng viên tại Đại học Thái Nguyên	161
Nguyễn Thị Hiền Thương, Dương Thị Thu Hoài, Cù Ngọc Bắc, Kiều Thu Hương, Vũ Thị Hải Anh - Sự tham gia của người dân trong việc thực hiện các tiêu chí cơ sở hạ tầng - chương trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	169
Vũ Bạch Diệp, Mai Việt Anh - Huy động vốn cho phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, thực trạng và một số giải pháp	175
Nguyễn Thị Ngọc Anh, Hoàng Huyền Trang - Thiết kế và sử dụng các trò chơi học tập nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn khẩu ngữ cao cấp cho sinh viên Trung Quốc tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên	181
Trần Thị Yến, Khổng Thị Thanh Huyền - Những lỗi về câu thường gặp trong bài viết tiếng Anh học thuật của sinh viên Việt Nam chuyên ngành tiếng Anh: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp	187
Hà Thị Thanh Hoa, Chu Thị Kim Ngân, Dương Thị Thúy Hương - Mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ mạng di động Vinaphone tỉnh Thái Nguyên	193
Vũ Thị Loan, Vũ Thị Hậu - Vai trò của giá cổ phiếu đối với dự báo khó khăn tài chính doanh nghiệp: Mô hình SVM	199
Hồ Thị Mai Phương, Hoàng Thị Tú, Trần Nguyệt Anh - Thiết kế và tổ chức trò chơi học tập trong hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	205
Đồng Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thị Thu Hường, Hoàng Thanh Hải, Nguyễn Thị Thu Hằng - Ứng dụng mô hình logistic xếp hạng tín dụng doanh nghiệp xây dựng niềm yết tại Việt Nam	211
Hà Thị Hòa, Hồ Ngọc Sơn - Phân tích chuỗi giá trị qua các kênh tiêu thụ sản phẩm Sơn tra tại Yên Bái	219

HUY ĐỘNG VỐN CHO PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Vũ Bạch Điệp^{1*}, Mai Việt Anh²

¹Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật - ĐH Thái Nguyên

²Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Trong giai đoạn hiện nay, hệ thống doanh nghiệp vừa và nhỏ có sự phát triển mạnh mẽ, tuy nhiên tình trạng thiếu vốn làm giảm cơ hội phát triển là căn bệnh khó tìm lời giải. Vốn tín dụng ngân hàng tài trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng vai trò rất quan trọng, chẳng những thúc đẩy sự phát triển khu vực kinh tế này mà thông qua đó tác động trở lại thúc đẩy hệ thống ngân hàng, đổi mới chính sách tiền tệ hoàn thiện các cơ chế chính sách về tín dụng, thanh toán ngoại hối... Tuy nhiên để tiếp cận nguồn vốn này đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang là một trong những khó khăn lớn.

Từ khóa: doanh nghiệp vừa và nhỏ, vốn, tín dụng, giải pháp, huy động vốn

ĐẶT VẤN ĐỀ

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) nói chung và DNVVN tại TP Thái Nguyên nói riêng luôn gặp phải thách thức hơn các doanh nghiệp (DN) quy mô lớn về việc trả lời bài toán làm thế nào để có thể đáp ứng nhu cầu nguồn vốn. Trong quá trình phát triển các DNVVN cũng bộc lộ nhiều khiếm khuyết và yếu kém như: Vốn cho sản xuất kinh doanh (SXKD) còn thiếu, tiềm lực kinh tế còn nhỏ bé, sức đầu tư hạn chế, quy mô đầu tư còn nhỏ lẻ hoạt động manh mún, khối lượng sản phẩm sản xuất và năng suất còn thấp dẫn đến khả năng cạnh tranh kém. Cùng với đó là những biến động về giá cả, lãi suất cho vay cùng những chính sách chi tiêu đã làm cho việc huy động vốn cho đầu tư phát triển của các DNVVN ngày càng có nhiều khó khăn. Đứng trước những khó khăn đó để có thể tồn tại và phát triển các DNVVN đã tập trung giải quyết vấn đề về vốn cho đầu tư và phát triển SXKD.

Giải quyết tốt vấn đề huy động và sử dụng vốn cho DNVVN có thể tăng cường phát triển cho các DNVVN, tạo công ăn việc làm cho số lượng lớn lao động trong tỉnh cũng như lao động nhập cư, tăng thu nhập cho người lao động, đóng góp vào tăng trưởng và phát triển kinh tế từ đó tăng nguồn thu cho Ngân sách nhà nước của TP Thái Nguyên cũng như tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời tháo gỡ được vướng

mắc về vốn sẽ tạo điều kiện ổn định và thúc đẩy hoạt động SXKD cho các DNVVN từ đó tạo sự ổn định cho nền kinh tế.[1]

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập thông tin

Thông tin thứ cấp: Thu thập và tính toán từ những số liệu của các cơ quan quản lý đã được công bố; các tài liệu được công bố trên các báo khoa học, các tài liệu tham khảo và tài liệu các công trình khoa học, các báo cáo tổng kết, các bài viết, Thu thập các tài liệu, số liệu đã công bố của Sở công thương, Cục thống kê, Chi cục thống kê, Cục thuế, Chi cục thuế TP Thái Nguyên.

Thông tin sơ cấp: Tổng hợp số liệu và đánh giá các chỉ tiêu cho các DNVVN của TP Thái Nguyên, đồng thời tiến hành điều tra nghiên cứu 150 DNVVN và thu thập các số liệu chi tiết để thực hiện việc phân tích.

Phương pháp xử lý số liệu

Các tài liệu sau khi thu thập được tiến hành chọn lọc, hệ thống hóa để tính toán các chỉ tiêu phù hợp cho việc phân tích. Sử dụng phân tổ thống kê để hệ thống và tổng hợp tài liệu. Các công cụ và kỹ thuật tính toán được xử lý trên chương trình Microsoft Excel 2007. Bao gồm các tài liệu theo chỉ tiêu điều tra:

- Số liệu trong báo cáo của các đơn vị.
- Tài liệu và số liệu sơ cấp: Thu thập bằng cách thực hiện điều tra, quan sát, phỏng vấn.

* Tel: 0987488786; Email: vubachdiep@gmail.com

- Tài liệu, số liệu đã công bố: số liệu của cơ quan nhà nước như Cục thống kê, Chi cục thống kê, sở, ban, ngành khác.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HUY ĐỘNG VỐN CỦA CÁC DNVVN TẠI THÁI NGUYÊN

Tình hình tiếp cận vốn tín dụng của các DNVVN tại Thái Nguyên hiện nay

Các khảo sát gần đây của hội DNVVN cho thấy một trong những trở ngại lớn đối với sự phát triển của các DNVVN ở Thái Nguyên hiện nay là “thiếu vốn”. Đây là khó khăn được coi là trầm trọng nhất và là gốc rễ sâu xa tạo ra những bất lợi khiến loại hình DNVVN chưa thể vươn lên đúng với vị thế của mình trong nền kinh tế thời gian qua. Dù cho trong thực tế có một sự gia tăng tín dụng chính thức trong nước dành cho khu vực này, nhưng khoản tín dụng này vẫn không đáp ứng được nhu cầu vốn cho các DNVVN này vì hai lý do: (1) doanh nghiệp vừa và nhỏ chỉ nhận một phần nhỏ trong phân bổ tín dụng trong nước; (2) tất cả các khoản tín dụng trong khu vực tư nhân chủ yếu là ngắn hạn. Vốn tự có của DNVVN thường được tạo ra từ vốn riêng của chủ DN, vốn góp của các bạn bè, cổ đông, bạn bè, họ hàng. Nguồn vốn nhỏ bé này chỉ chiếm 5-10% vốn luân chuyển của DN. Trong đó, xét riêng về vốn, số DN có vốn dưới 1 tỉ đồng chiếm 41,80%, số DN có vốn từ 1- 5 tỉ đồng chiếm 37,03%, số DN có vốn từ 5 đến 10 tỉ chỉ đồng chiếm 8,15%. Với quy mô vốn nhỏ lẻ như thế, nhu cầu vốn để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh của các DNVVN luôn rất lớn. Thế nhưng, thực tế nhu cầu về vốn của DNVVN được đáp ứng rất hạn chế [3].

Bảng 1. Tỷ trọng cho vay DNVVN của một số ngân hàng tại TPTN năm 2016

Ngân hàng	Chỉ tiêu	Tỷ trọng cho vay DNVVN (%)
- Ngân hàng TMCP Công thương		52
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển		43
- Ngân hàng Quốc tế (VIB)		49
- Ngân hàng TMCP Quân Đội		41
- Ngân hàng Đông Á		35
- Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn		34

(Nguồn: Số liệu tác giả điều tra năm 2016)

Thực tế vẫn còn nhiều khó khăn dẫn đến sự hạn chế của các DNVVN trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ngân hàng [2].

Đánh giá chung về điều kiện và thủ tục vay vốn

Nguồn vốn vay cho SXKD trong năm 2013 có khối lượng nhỏ so với quy mô nền kinh tế, cũng như nhu cầu thực về vốn cho sản xuất. Trên thực tế trong năm 2015-2016 là giai đoạn mức lãi suất cho vay trên thị trường luôn duy trì mức lãi suất khá cao trung bình 12% - 14,5% /năm có thời điểm trong năm 2015 lãi suất đã tăng lên 15,7%/năm. Trong khi đó nền kinh tế đang bị ảnh hưởng của khủng hoảng và suy thoái kinh tế thế giới nên các chỉ tiêu về tài chính của DN đều giảm, với mức lãi suất cao như trên một số DNVVN không có khả năng chi trả lãi vay và cũng không tiếp cận được với nguồn vốn trong khi nền kinh tế thiếu hụt và dự trữ trong các ngân hàng thấp dẫn đến lãi suất tăng lên, cùng với những điều kiện trong vay vốn rất khó khăn. Để vay vốn ngân hàng các DNVVN luôn phải có những điều kiện đảm bảo cho việc thẩm định vay vốn tín dụng của các ngân hàng rất khắt khe, thường những hàng rào đó đã làm cho DNVVN đã không tiếp cận không thể vay được vốn cho SXKD.

Xét về quy mô vốn vay: Quy mô khối lượng vốn vay rất nhỏ so với tổng vốn kinh doanh trong năm. Về nguồn vốn vay, hỗ trợ bổ sung cho SXKD năm 2016 của các DNVVN ta thấy nguồn vốn vay bổ sung trên 271 tỷ đồng, gồm vay tự bổ sung vốn 270,159 tỷ đồng chiếm 99,63%, NSNN cấp 1,012 tỷ đồng chiếm 0,37%. Như vậy chủ yếu là tự vay bổ sung vốn chiếm tỷ trọng lớn, lượng vốn được NSNN cấp cho các DNVVN rất ít, có tỷ lệ không đáng kể [1].

Xét về lãi suất: Lãi suất tuy có giảm trong những năm gần đây nhất là trong năm 2016, Tuy nhiên mặt bằng lãi suất vẫn cao từ 10,2%/năm đến 17% /năm; tùy thuộc vào thời hạn vay vốn, chủ thể vay vốn và lĩnh vực kinh doanh [1].

Khó khăn về phía DN

Thứ nhất: phải kể đến nguyên nhân xuất phát từ chính sách cho vay của ngân hàng dành

cho khu vực này. Mỗi dự án vay DNVVN phải có tối thiểu 30% vốn đối ứng và chỉ được vay ngân hàng 70% số vốn của dự án. Hơn nữa, một trong những tiêu chí để quyết định cho vay là DN phải có tài sản thế chấp. Do thiếu thông tin về tài chính DN nên nhiều ngân hàng cho rằng, cho vay đối với khu vực này thường chịu chi phí và rủi ro cao. Điều này khiến ngân hàng buộc DNVVN phải đáp ứng các yêu cầu khắt khe hơn về tài sản đảm bảo.

Thứ hai, các DNVVN rất yếu trong khâu thiết kế và chuẩn bị các dự án vay vốn ngân hàng; *Lập luận về sự cần thiết của các dự án cũng như việc tính toán các chỉ tiêu tài chính thường qua loa và thiếu tính khả thi, thiếu tính thuyết phục.* Ngoài ra, do yếu kém trong tiếp cận thông tin thị trường, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, cộng với hạn chế về năng lực tài chính nên các DN rất khó nhập khẩu nguyên liệu trực tiếp từ các đối tác nước ngoài, nhiều quyết định kinh doanh dựa vào cảm tính, kinh nghiệm trên sân nhà....

Thứ ba, các ngân hàng yêu cầu DN khi đi vay phải có trách nhiệm chứng minh tình hình tài chính, kinh doanh của mình. Tuy nhiên, các DN lại không đáp ứng được yêu cầu này. Phần lớn DNVVN do ngại chi phí nên không có tổ chức kế toán tốt, chỉ thực hiện để đối phó với các ban ngành nên các thông tin tài chính thường không được phản ánh đúng hoặc trung thực như yêu cầu của ngân hàng. Thậm chí báo cáo tài chính cũng không được kiểm toán hàng năm. Vì vậy, minh bạch tài chính và duy trì một hệ thống kế toán đáng tin cậy, thể hiện cao các tiêu chuẩn quản trị là một vấn đề đáng ngại đối với DNVVN. Các DNVVN thường sử dụng hệ thống tài chính kế toán nhằm phục vụ cho mục đích báo cáo thuế. Để tránh phải nộp thuế nhiều, các DN này thường cố ý giảm các chỉ tiêu về doanh thu, tăng chi phí nhằm hạn chế lợi nhuận trong báo cáo. Do đó, khi cung cấp báo cáo cho ngân hàng để vay vốn, chỉ tiêu lợi nhuận không cao nên ngân hàng không có cơ sở để cho vay dù thực tế là rất có hiệu quả.

Thứ tư, thủ tục thẩm định và cho vay của các ngân hàng rất phức tạp và tốn nhiều thời

gian, thường là 30 ngày hoặc nhiều hơn nữa đối với các nguồn vốn tín dụng ưu đãi. Hơn nữa, các quy trình và thủ tục cho vay không được ngân hàng thông tin rộng rãi đến DN nên dễ bị thiếu sót trong khi làm thủ tục vay, kéo dài thời gian cấp vốn vay. Kết quả là DN có thể mất cơ hội kinh doanh do chưa có vốn.

Thứ năm, thời hạn cho vay trung và dài hạn thường chỉ từ 2-3 năm. Đây là khoảng thời gian khá ngắn, chưa đủ cho các dự án hoàn vốn và có doanh thu, lợi nhuận ổn định để trả nợ vay.

Khó khăn về phía ngân hàng

Thứ nhất, ngân hàng thương mại là tổ chức kinh doanh nhằm mục đích lợi nhuận, hoạt động theo nguyên tắc hiệu quả. So với DN lớn, khả năng tài chính của DNVVN yếu dễ sụp đổ trước những biến động nhỏ trong kinh doanh. Do đó, tín dụng cho DNVVN tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn các DN lớn.

Thứ hai, các DNVVN thường được vay vốn từ các ngân hàng thương mại cổ phần nhiều hơn là từ ngân hàng ngân hàng quốc doanh. Tuy nhiên, nguồn lực cho vay của các NHTM CP thường hạn chế hơn so với các NHTM NN do quy mô vốn nhỏ hơn.

Thứ ba, bản thân các nhân viên tín dụng ngân hàng thường rất ngại rủi ro cũng như trách nhiệm trong quá trình cho vay. Vì vậy, họ không mạnh dạn đưa ra các quyết định cho vay nhằm hạn chế sự thất bại trong công việc của mình. Bên cạnh đó, tính chuyên nghiệp trong thẩm định rủi ro dự án của cán bộ tín dụng còn thấp. Các lý thuyết hiện đại về rủi ro và quản trị rủi ro còn là một phạm trù khá xa lạ và mới mẻ đối với nhân viên tín dụng. Do đó, dù trình độ học vấn của nhân viên ngân hàng có sự cải thiện trong nhiều năm qua nhưng tính chuyên môn chưa sâu, dẫn đến hạn chế trong quá trình thẩm định dự án và ra quyết định.

Thứ tư, các DNVVN thường không hiểu rõ quy trình thẩm định cho vay của ngân hàng, cũng như các thủ tục, chứng từ vay vốn. Từ đó, khi được yêu cầu cung cấp thông tin, DN cho rằng đây là những “đòi hỏi phi lý” và có thái độ bất hợp tác với ngân hàng.

Kết quả là ngân hàng không có thông tin về DN cũng như lịch sử tín dụng của DN. Do đó, việc ra quyết định cho vay thật sự là một thách thức đối với ngân hàng trong quá trình tìm hiểu khả năng tài chính DN đi vay.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Các giải pháp về phía Ngân hàng

Giải pháp về tài sản đảm bảo

Hiện nay, rào cản lớn nhất làm cho DNVVN khó huy động vốn từ ngân hàng chính là do điều kiện tài sản thế chấp mà ngân hàng đưa ra khi quyết định cho vay. Do đó, xem xét và nới lỏng yêu cầu này sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho DN nhận được tài trợ từ ngân hàng. Có thể gia giảm điều kiện này bằng các biện pháp như sau:

- Ngân hàng nên cho phép các DNVVN dùng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo tiền vay hoặc thậm chí cho vay không có đảm bảo tài sản. Mặt khác, tài sản đảm bảo tạo nên tâm lý chủ quan và yên tâm cho ngân hàng khi ra quyết định cho vay mà bỏ qua tính khả thi và khả năng sinh lời cũng như rủi ro của dự án.

- Đối với các khoản cho vay ngắn hạn, ngân hàng nên dùng hình thức cho vay có đảm bảo bằng các khoản sẽ thu của DN. Trong trường hợp này, ngân hàng có thể giúp DN thiếu vốn tạm thời bằng cách cho vay theo tỷ lệ nào đó trên khoản sẽ thu. Cách thức thực hiện là ngân hàng có thể yêu cầu DN cam kết thu tiền hàng qua hình thức chuyển khoản. Khi đó, nếu khách hàng trả tiền cho DN qua ngân hàng, ngân hàng sẽ tự trích nợ tài khoản của DN theo tỷ lệ thỏa thuận trước trên số tiền bảo có của DN.

- Đối với vấn đề định giá tài sản thế chấp, ngân hàng nên định giá tài sản thế chấp theo giá thị trường nhằm tạo điều kiện cho DN vay được vốn theo khả năng vốn có thực sự. Theo đó, quá trình định giá nên có sự tham gia của các công ty định giá tài sản, công ty tư vấn hoặc các tổ chức có liên quan tham gia để giá trị tài sản được thẩm định một cách chính xác, khách quan, phù hợp với giá cả thị trường.

Giải pháp về chính sách cho vay và hình thức cho vay

- Thực hiện chính sách lãi suất linh hoạt. Một trong những điều quan tâm của DN khi đến vay vốn ngân hàng là lãi suất bởi lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận mang lại cho DN. Do vậy, mức lãi suất vừa phải, hợp lý, hình thành trên cơ sở thỏa thuận với khách hàng, hài hoà lợi ích ngân hàng và DN sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho DN huy động vốn. Đối với DNVVN, nên thực hiện lãi suất dựa vào độ tín nhiệm của DN, xu thế SXKD trên thị trường, lĩnh vực đầu tư, mức độ rủi ro, thời gian vay...

- Góp vốn đầu tư, liên doanh, liên kết với DNVVN. Để mở rộng tín dụng, ngân hàng không nhất thiết chỉ cho DN vay vốn mà có thể lựa chọn xem DN nào làm ăn hiệu quả, có triển vọng thì ngân hàng có thể thỏa thuận ký hợp đồng liên doanh, liên kết với những DN đó để cùng sản xuất, kinh doanh. Như vậy, ngân hàng không những mở rộng được tín dụng mà còn có điều kiện xâm nhập thị trường từ đó tìm ra được những mặt mạnh, yếu của khách hàng, đồng thời vừa trực tiếp giám sát, quản lý vốn cho vay vừa tạo ra thu nhập cao do trực tiếp là người đầu tư vốn.

- Ngân hàng nên mở rộng chính sách cho vay tín chấp đối với những DN có lịch sử tín dụng tốt, hoạt động hiệu quả trong nhiều năm. Hiện nay, phần lớn các DN được cho vay tín chấp là những DN có vốn Nhà nước do ngân hàng có tâm lý dựa vào năng lực tài chính dào của ngân sách nên không sợ rủi ro thanh toán nợ vay. Do đó, cần xem xét và ban hành những quy định, chính sách cụ thể, thông thoáng nhưng chặt chẽ để hình thức vay tín chấp được phổ biến.

- Thực hiện chính sách khách hàng đặc biệt đối với DNVVN. Đổi mới là phải tạo mọi điều kiện để phục vụ khách hàng nhanh hơn, chất lượng hơn, giúp khách hàng cạnh tranh lành mạnh, qua đó thu hút nhiều khách hàng có uy tín đến giao dịch, mở rộng thị phần tín dụng của ngân hàng. Ngân hàng phải thường xuyên phân loại khách hàng - DN theo tiêu chí nhất định để có chính sách ưu đãi nhất định đối với các DNVVN. Những DNVVN có uy tín, có quan hệ tín dụng thường

xuân, trả nợ gốc và lãi đúng hạn thì phải được hưởng ưu đãi như giảm lãi suất tiền vay, tăng lãi suất tiền gửi, giảm chi phí dịch vụ.

Về phía các doanh nghiệp vừa & nhỏ

DNVVN phải xây dựng được phương án kinh doanh có hiệu quả, có tính khả thi

Phương án khả thi là yếu tố quyết định đến việc cho vay của ngân hàng. Vì vậy, doanh nghiệp cần thực sự đưa được phương án có hiệu quả, có tính thuyết phục. Muốn vậy, doanh nghiệp phải nâng cao khả năng lập dự án hoặc sử dụng tư vấn chuyên nghiệp. Doanh nghiệp cần chủ động trong nghiên cứu thị trường, môi trường kinh doanh, xác định những rủi ro có thể xảy ra, đưa ra phương án khả thi, sử dụng vốn vay một cách an toàn, hiệu quả nhất.

Các DNVVN phải đa dạng kênh huy động vốn để giảm lệ thuộc vào vốn vay ngân hàng.

Trước tiên, DN nên tranh thủ các hình thức thu nợ dùng hối phiếu, thương phiếu để có thể nhận chiết khấu từ ngân hàng trong thời gian chưa đến hạn thanh toán của khách hàng. Với hình thức này, DN cần nghiên cứu và thực hiện đúng theo Luật Các công cụ chuyển nhượng để tránh tình trạng bị từ chối thanh toán. Theo đó, các chứng từ, hóa đơn phát sinh theo nghiệp vụ bán hàng cũng nên lập một cách rõ ràng, chính xác từng thương vụ và thỏa thuận thanh toán qua ngân hàng. Như vậy DN có thể dùng các chứng từ này làm tài sản thế chấp các khoản nợ sẽ thu để nhận được vốn vay từ ngân hàng.

Mặt khác, trong quá trình mua nguyên vật liệu, hàng hóa SXKD, DN có thể tận dụng triệt để chế độ bán chịu từ nhà cung ứng trong thời gian chờ vốn quay hết chu kỳ. Để được nhận được chính sách này từ đối tác, DN cần thực hiện tốt các giải pháp như:

- Chứng minh và duy trì uy tín thanh toán một cách tốt nhất nhằm củng cố lòng tin từ bạn hàng, đảm bảo mọi nguồn lực cho thanh toán khi đến hạn, tránh tình trạng thanh toán trễ hạn, làm giảm lòng tin từ nhà cung ứng.

- Nhằm thực hiện tốt việc trả nợ, DN cần chú ý đến chính sách bán hàng và thu nợ của mình. Xây dựng chế độ chiết khấu thanh toán hấp dẫn khuyến khích khách hàng trả nợ nhanh chóng, rút ngắn thời gian thu nợ để từ đó đảm bảo đủ nguồn tiền trả nợ nhà cung cấp.

- Lập kế hoạch nhập hàng phù hợp với tiến độ sản xuất và tiêu thụ, tránh tình trạng hàng tồn kho quá nhiều, hàng hóa không tiêu thụ hết dẫn đến tình trạng thiếu nguồn trả nợ cho đối tác.

- Các DNVVN nên thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về các chương trình, chiến lược hỗ trợ vốn ưu đãi cho loại hình DN mình. Từ đó hoàn thiện các điều kiện, chính sách đề ra trong việc cấp vốn ưu đãi để có thể tiếp cận cũng như nhận được nguồn vốn ưu đãi, giảm được chi phí lãi vay cho quá trình huy động vốn.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiểm doanh nghiệp nào dùng vốn tự có để sản xuất kinh doanh. Nguồn vốn vay chính là công cụ đòn bẩy để doanh nghiệp tối ưu hoá hiệu quả sử dụng vốn. Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ do hạn chế về vốn nên việc sử dụng vốn tự có để sản xuất là khó khăn vì vốn hạn hẹp vì nếu sử dụng thì giá vốn sẽ cao và sản phẩm khó được thị trường chấp nhận. Chính vì vậy, DNVVN cần chủ động hoàn thiện bộ máy tổ chức, nội lực trong bản thân doanh nghiệp đồng thời mạnh dạn huy động vốn từ phía thị trường tài chính. Để hiệu quả thì doanh nghiệp phải có một cơ cấu vốn tối ưu, kết cấu hợp lý nhất là nguồn vốn tự có và vốn vay nhằm tối đa hoá lợi nhuận tại mức giá vốn bình quân rẻ nhất. Việc cải thiện quá trình huy động vốn cho DN thật sự là một vấn đề phức tạp đòi hỏi tính đồng bộ cao. Hiệu quả huy động vốn của DN phụ thuộc vào sự kết hợp hài hòa, chặt chẽ từ phía Nhà nước, các Ban ngành có liên quan và cuối cùng là bản thân các DNVVN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2016), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2016*, Nxb Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên
2. *Cổng thông tin điện tử của tỉnh Thái Nguyên*: www.thainguyen.gov.vn
3. Lê Hoàng Nga (2016), “Nguồn vốn cho các DNVVN ở Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính ngân hàng*, 490, tr. 36.
4. Vũ Bá Phụng (2016), “Phát triển DNVVN trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, *Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương*, 284, tr. 51.

SUMMARY

SOME SOLUTIONS FOR MOBILIZING CAPITAL FOR SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES DEVELOPING THAI NGUYEN CITY**Vu Bach Diep^{1*}, Mai Viet Anh²**¹*College of Economics and Technology - TNU*²*University of Economics and Business administration – TNU*

In the market economy, the existence and development of small and medium enterprises is an indispensable objective and, as in the case of other types of enterprises, in the course of their production and business operations. Use bank credit capital to meet capital shortage needs as well as to optimize the efficiency of their capital use. Capital investment banking loans to small and medium enterprises play a very important role, which not only promotes the development of this sector but through the re-activating of the banking system. The new monetary policy complements the mechanisms of credit policy, foreign exchange payments, etc. However, access to this capital for SMEs is one of the major difficulties.

Keywords: *SMEs, capital, credit, solutions, capital mobilization*

Ngày nhận bài: 01/9/2017; Ngày phản biện: 27/9/2017; Ngày duyệt đăng: 16/10/2017

* Tel: 0987488786; Email: vubachdiep@gmail.com

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Ha Xuan Huong - Women's situations in Thai and Tay's folk songs	3
Ngo Thi Thu Trang - Some measures that need to be implemented to enhance students' ability in terms of using Sino – Vietnamese words	9
Nguyen Thi Ha, Vu Thi Hong Hoa - Enhancing the proportion of female in people's elected bodies	15
Nguyen Thu Ha, Nguyen Thi Mai Huong, An Thi Thu, Nguyen Thi Hong - Developing vietnamese accounting standards towards international accounting standards	21
Nguyen Thi Hoa - Using collection "Vietnam wartime letters" in historical education	27
Nguyen Thi Xuan Thu, Pham Ngoc Duy - Effects of using semantic mapping on ESP vocabulary retention of the students at University of Technology – Thai Nguyen University	33
Vu Kieu Hanh, Hoang Thi Cuong - English reading skill of the second-year students at University of Agriculture and Forestry – Thai Nguyen University: basis for enhancement activities	39
Nguyen Thi Thu Huong - Protection of personal rights for juvenile labor in Vietnam law	45
Nguyen Thi Tham - The journey to search for happiness of female characters in the short stories <i>Cœur brûlé et autres romances</i> of Le Clézio	51
Le Thi Luu, Tran Bao Ngoc, Bui Thanh Thuy et al - The bachelor of nursing students' perception of educational environment at University of Medicine and Pharmacy - Thai Nguyen University by DREEM questionnaire	57
Bui Thi Minh Ha, Nguyen Huu Tho - Awareness of household on climate change and its effectiveness on tea cultivation: a case study in Tan Cuong tea area, Thai Nguyen city	63
Duong Thanh Tinh, Tran Van Quyet, Nguyen Ngoc Ly, Nguyen Viet Dung - Employment creation potential for ethnic minorities through value chain development of cinnamon products in the northern mountainous region of Vietnam - a case study of Van Yen district, Yen Bai province	69
Nguyen Thu Nga, Do Thi Tuyen Mai, Nguyen Thi Dieu Hong - Applying Cobb-Douglas linear function to measure the efficiency of Vietnam commercial banks	75
Phung Thanh Hoa, Bui Thi Thanh Thuy - The impact of market economy on rural Viet Nam at present	81
Hoang Thi My Hanh, Sombath Kingbounkai - The migration process of Vietnamese to Laos and location in Luangprabang province of Laos	87
Vi Thi Phuong - Using press to the new construction of building culture in Vietnam, look at the <i>Tao Dan</i> magazine (1939)	93
Nguyen Thi Minh Loan - A proposed model for question generation instruction in reading comprehension	99
Nguyen Thi Bich Ngoc - English written proficiency – upper intermediate 2 (EWU241): students' evaluation of the course content and teaching activities at the School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	105
Nguyen Mai Linh, Tran Minh Thanh, Duong Thi Hong An - Portfolio development and group presentation for ESP courses toward postmethod	111
Tran Thi Kim Hoa - Developing the ability of using Vietnamese for ethnic minority elementary school pupils through vocab exercises	117
Tran Tu Hoai - The main points of "lecturers development" policy that were taken in University of Education – Thai Nguyen University	121
Pham Thi Huyen, Vu Thi Thuy - Training the working style manner of cadres following Ho Chi Minh's style	127

Tong Thi Phuong Thao - Protect the rights of women workers during pregnancy, childbirth and child rearing according to Vietnamese labor law	131
Luong Thi Hanh - The role of ethnic minority women in building new rural areas in Bac Kan province	137
Nguyen Thi Thanh Ha, Nguyen Thi Thu Hien - Some issues on building new ways of life for Vietnamese students nowadays	143
Ho Luong Xinh, Nguyen Thi Yen, Nguyen Thi Giang, Luu Thi Thuy Linh, Bui Thi Thanh Tam, Nguyen Manh Thang - Probability of improving farmer household income after agricultural land acquisition at industrial zones in Thai Nguyen province	149
Dinh Ngoc Lan, Doan Thi Thanh Hien, Duong Tuan Viet - Analyzing factors effect to production and consumption of canna in Nguyen Binh district - Cao Bang province	155
Do Thi Ha Phuong, Chu Thi Ha, Nguyen Thi Giang, Duong Xuan Lam - Investigating the effects of social capital and information technology on knowledge sharing intention and knowledge sharing behavior among employees in Thai Nguyen University	161
Nguyen Thi Hien Thuong, Duong Thi Thu Hoai, Cu Ngoc Bac, Kieu Thu Huong, Vu Thi Hai Anh - Research the contribution of cityzens to implement the imfrastructure criteria for new rural program in Phu Luong district, Thai Nguyen province	169
Vu Bach Diep, Mai Viet Anh - Some solutions for mobilizing capital for small and medium enterprises developing Thai Nguyen city	175
Nguyen Thi Ngoc Anh, Hoang Huyen Trang - Designing and using learning games in order to increase the effective teaching in oral advanced proficiency for chinese students at School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	181
Tran Thi Yen, Khong Thi Thanh Huyen - Common sentence problems in academic writing committed by Vietnamese students of English: situation, causes and solutions	187
Ha Thi Thanh Hoa, Chu Thi Kim Ngan, Duong Thi Thuy Huong - The satisfaction of customers on the quality of Vinaphone mobile network service of Thai Nguyen province	193
Vu Thi Loan, Vu Thi Hau - The role of market stock price as a financial distress predictor: SVM model	199
Ho Thi Mai Phuong, Hoang Thi Tu, Tran Nguyet Anh - Design and organization of learning games in elementary school mathematical symbols for elementary school children	205
Dong Thi Hong Ngoc, Nguyen Quynh Hoa, Nguyen Thi Thu Huong, Hoang Thanh Hai, Nguyen Thi Thu Hang - Application of logistic models in rating credit of listed construction enterprices in Vietnam	211
Ha Thi Hoa, Ho Ngoc Son - Values chain analysis through consumption channels of Son tra in Yen Bai province	219